

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;
Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đầu tư dự án Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh tại Tờ trình 1071/TTr-BQLDDCN ngày 18/9/2019 về việc trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi; đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 21/BC-STC ngày 07/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.

- Địa điểm xây dựng: thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian khởi công tháng 3/2018 - hoàn thành tháng 5/2019.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	32.337.045.000	28.300.000.000	4.037.045.000
- Vốn ngân sách tỉnh	32.337.045.000	28.300.000.000	4.037.045.000

2. Chi phí đầu tư quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	39.949.983.000	32.337.045.000
a) Phần khối lượng thực hiện theo Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh	657.126.000	355.707.000
b) Phần khối lượng thực hiện theo Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh	34.000.000.000	31.981.338.000
- Xây dựng:	17.647.518.000	17.758.399.000
- Thiết bị:	11.251.524.000	11.233.609.000
- Quản lý dự án:	734.935.000	734.935.000
- Tư vấn:	1.631.112.429	1.505.253.000
- Chi phí khác:	950.756.830	929.142.000
- Dự phòng:	1.784.153.741	0

(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)

3 . Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng

4 . Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	0		32.337.045.000	
1.Tài sản cố định	0		32.337.045.000	
2.Tài sản lưu động	0		0	

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không có

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư của dự án là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số	32.337.045.000	
- Vốn ngân sách tỉnh	32.337.045.000	

- Tình hình công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

Trong đó: - Nợ phải thu: 0 đồng
- Nợ phải trả: 4.037.045.000 đồng

(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	32.337.045.000	0

3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 21/BC-STC ngày 07/02/2020 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đơn vị tiếp nhận tài sản) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, CNXD (Vũ 65).



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Phụ lục 01

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN
Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 228 /QĐ-UBND ngày 20 /02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	CO CAP	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
A	Phần khối lượng thực hiện theo Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh	657.126.000	355.707.000	355.707.000	-301.419.000	0
1	Khảo sát, đo vẽ hiện trạng lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	386.021.000	201.874.000	201.874.000	-184.147.000	0
2	Khảo sát địa chất	74.347.000	74.347.000	74.347.000	0	0
3	Kiểm định chất lượng hiện trạng công trình	195.453.000	78.181.000	78.181.000	-117.272.000	0
4	Lệ phí thẩm định PCCC	1.305.000	1.305.000	1.305.000	0	0
B	Phần khối lượng thực hiện theo Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh	34.000.000.000	32.026.927.000	31.981.338.000	-3.601.376.952	-45.589.000
I	Chi phí xây dựng	17.647.518.000	17.623.988.000	17.578.399.000	-1.047.436.000	-45.589.000
1.1	Gói thầu số 7 (toàn bộ xây lắp) do Công ty Cổ phần Dầu tư phát triển hạ tầng 179 thực hiện	16.884.420.000	16.860.890.000	16.815.301.000	-1.047.436.000	-45.589.000

-	Hợp đồng ban đầu (toàn bộ xây lắp trừ PCCC)	16.289.759.000	15.341.715.000	15.341.715.000	-948.044.000	0
-	Giá trị bổ sung theo chủ trương UBND tỉnh	911.343.000	857.540.000	857.540.000	-53.803.000	0
-	Giá trị phát sinh chủ đầu tư phê duyệt	661.635.000	661.635.000	616.046.000	-45.589.000	-45.589.000
-	Giá trị giảm	-978.317.000	0	0		0
1.2	Phần khối lượng gói thầu số 7 do Công ty TNHH MTV thiết bị PCCC Quảng Ngãi thực hiện	763.098.000	763.098.000	763.098.000	0	0
-	Hợp đồng ban đầu (hạng mục PCCC)	465.896.000	465.896.000	465.896.000	0	0
-	Giá trị bổ sung theo chủ trương UBND tỉnh	204.559.000	204.559.000	204.559.000	0	0
-	Giá trị phát sinh chủ đầu tư phê duyệt	92.643.000	92.643.000	92.643.000	0	0
II	Chi phí thiết bị	11.251.524.000	11.233.609.000	11.233.609.000	-622.312.952	0
1	Gói thầu số 7: Toàn bộ xây lắp do Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng 179 thực hiện	101.289.000	101.289.000	101.289.000	-125.859.429	0
2	Gói thầu số 8:	3.432.387.000	3.414.472.000	3.414.472.000	-437.015.905	0
2.1	Công ty TNHH xây dựng Bình An thực hiện hệ thống điều hòa, máy phát điện và máy biến áp	3.028.387.000	3.010.472.000	3.010.472.000	-311.156.476	0

2.2	Công ty TNHH MTV thiết bị PCCC Quảng Ngãi thực hiện lắp đặt PCCC	404.000.000	404.000.000	404.000.000	-125.859.429	0
3	Gói thầu số 9 hệ thống điện thoại, camera, thiết bị văn phòng và nội thất	7.717.848.000	7.717.848.000	7.717.848.000	-59.437.618	0
III	Chi phí quản lý dự án	734.935.000	734.935.000	734.935.000	0	0
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.631.112.429	1.505.253.000	1.505.253.000	-125.859.429	0
1	Lập dự án đầu tư	216.088.000	216.088.000	216.088.000	0	0
2	Thiết kế BVTC&DT	639.931.811	573.510.000	573.510.000	-66.421.811	0
3	Lập HSMT&DGHSDT thiết kế	1.108.000	1.108.000	1.108.000	0	0
4	Thẩm tra thiết kế và dự toán	78.147.696	78.147.000	78.147.000	-696	0
5	Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu	54.623.542	54.623.000	54.623.000	-542	0
6	Giám sát thi công xây dựng công trình	641.213.380	581.777.000	581.777.000	-59.436.380	0
V	Chi phí khác	950.756.830	929.142.000	929.142.000	-21.614.830	0
1	Thẩm định dự án đầu tư	5.031.000	5.031.000	5.031.000	0	0
2	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	34.000.000	34.000.000	34.000.000	0	0
3	Thẩm định PCCC	2.948.000	2.948.000	2.948.000	0	0
3	Thẩm định thiết kế trạm biến áp	389.465	389.000	389.000	-465	0
4	Hạng mục chung gói thầu số 7	582.225.000	577.080.000	577.080.000	-5.145.000	0
4.1	Phần khối lượng do công ty Cổ phần Dầu tư phát triển hạ tầng 179 thực hiện	565.940.000	560.797.000	560.797.000	-5.143.000	0

-	Lấn trại	163.916.000	160.227.000	160.227.000	-3.689.000	0
-	Chi phí không tính từ thiết kế	402.024.000	400.570.000	400.570.000	-1.454.000	0
4.2	<i>Phần khối lượng do Công ty TNHH MTV thiết bị PCCC Quảng Ngãi thực hiện</i>	<i>16.285.000</i>	<i>16.283.000</i>	<i>16.283.000</i>	<i>-2.000</i>	<i>0</i>
-	Lấn trại	4.654.000	4.652.000	4.652.000	-2.000	0
-	Chi phí không tính từ thiết kế	11.631.000	11.631.000	11.631.000	0	0
5	Thẩm định HSM T, kết quả lựa chọn nhà thầu	27.311.772	24.030.000	24.030.000	-3.281.772	0
6	Bảo hiểm công trình	33.944.030	32.120.000	32.120.000	-1.824.030	0
7	Thẩm định giá	50.000.000	42.000.000	42.000.000	-8.000.000	0
8	Kiểm tra nghiệm thu đưa vào sử dụng	40.000.000	36.956.000	36.956.000	-3.044.000	0
9	Nghiệm thu đóng điện	6.453.018	6.134.000	6.134.000	-319.018	0
10	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	168.454.545	168.454.000	168.454.000	-545	0
VI	Dự phòng	1.784.153.741	0	0	-1.784.153.741	0
C	Tổng cộng (A)+(B)	34.657.126.000	32.382.634.000	32.337.045.000	-3.902.795.952	-45.589.000

Phụ lục 02

BẢNG CÔNG NỢ

Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 228 /QĐ-UBND ngày 20 /02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
A		Phần khối lượng thực hiện theo Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh	355.707.000	276.221.000	0	79.486.000
1	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Quảng Châu	Khảo sát, đo vẽ hiện trạng lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	201.874.000	201.874.000	0	0
2	Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng Quảng Châu	Khảo sát địa chất	74.347.000	74.347.000	0	0
3	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng	Kiểm định chất lượng hiện trạng công trình	78.181.000	0	0	78.181.000
4	Công an PCCC	Lệ phí thẩm định PCCC	1.305.000	0	0	1.305.000

B		Phần khối lượng thực hiện theo Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh	31.981.338.000	28.023.779.000	0	3.957.559.000
I		Chi phí xây dựng	17.578.399.000	16.089.131.000	0	1.489.268.000
1	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng 179	Gói thầu số 7 (toàn bộ xây lắp)	16.815.301.000	15.638.437.000	0	1.176.864.000
2	Công ty TNHH MTV thiết bị PCCC Quảng Ngãi	Gói thầu số 7 (hạng mục PCCC)	763.098.000	450.694.000	0	312.404.000
II		Chi phí thiết bị	11.233.609.000	9.893.446.000	0	1.340.163.000
1	Công ty TNHH MTV thiết bị PCCC Quảng Ngãi	Gói thầu số 7 (hạng mục PCCC)	101.289.000	0	0	101.289.000
2	Công ty TNHH xây dựng Bình An	Gói thầu số 8	3.010.472.000	3.003.702.000	0	6.770.000
3	Công ty TNHH MTV thiết bị PCCC Quảng Ngãi		404.000.000	353.000.000	0	51.000.000
4	Liên danh Công ty TNHH Tiến Mạnh và Công ty Huy Hùng Hiệp	Gói thầu số 9	7.717.848.000	6.536.744.000	0	1.181.104.000
III		Chi phí quản lý dự án	734.935.000	604.200.000	0	130.735.000
1	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Quản lý dự án	734.935.000	604.200.000	0	130.735.000

IV		Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.505.253.000	1.300.739.000	0	204.514.000
1	Công ty CP tư vấn thiết kế và xây dựng Kiến Trung	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	216.088.000	216.088.000	0	0
2	Công ty CP tư vấn thiết kế và xây dựng Kiến Trung	Thiết kế BVCT& lập dự toán	573.510.000	488.662.000	0	84.848.000
3	Công ty CP tư vấn xây dựng Công Bằng	Lập HSMT&DGHSDT thiết kế	1.108.000	1.108.000	0	0
4	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Gia Hưng	Lập HSMT&DGHSDT xây lắp	54.623.000	54.623.000	0	0
5	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nhà Việt	Thẩm tra thiết kế và dự toán	78.147.000	78.147.000	0	0
6	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Giám sát thi công xây dựng công trình	581.777.000	462.111.000	0	119.666.000
V		Chi phí khác	929.142.000	136.263.000	0	792.879.000
1	Sở Xây dựng Quảng Ngãi	Thẩm định dự án đầu tư	5.031.000	5.031.000	0	0
2	Công an tỉnh	Thẩm định PCCC	2.948.000	2.948.000	0	0
3	Sở Công Thương	Thẩm định trạm biến áp	389.000	0	0	389.000
4	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	24.030.000	24.030.000	0	0

5	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng 179	Gói thầu số 7 (hạng mục chung)	560.797.000	0	0	560.797.000
6	Công ty TNHH MTV thiết bị PCCC Quảng Ngãi		16.283.000	0	0	16.283.000
7	Công ty Cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài sản toàn cầu	Thẩm định giá	42.000.000	32.000.000	0	10.000.000
8	Công ty Bảo hiểm MIC Quảng Ngãi	Bảo hiểm công trình	32.120.000	32.120.000	0	0
9	Công ty TNHH TM và CN Môi trường MD	Kế hoạch bảo vệ môi trường	34.000.000	34.000.000	0	0
10	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Minh Trung	Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình	36.956.000	0	0	36.956.000
11	Điện lực Quảng Ngãi	Nghiem thu đóng điện	6.134.000	6.134.000	0	0
12	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	168.454.000	0	0	168.454.000
C	Tổng cộng = (A)+(B)		32.337.045.000	28.300.000.000	0	4.037.045.000